

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:1516/QĐ-UBND

Tân Hội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026
cho các phòng, ban ngành và đoàn thể thuộc xã Tân Hội**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN HỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao dự toán cho cấp xã năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Hội về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 231/TTr-PKT ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các phòng, ban ngành và đoàn thể thuộc xã Tân Hội. Cụ thể như sau:

Tổng dự toán chi NSNN: 59.104.130.405 đồng (Năm mươi chín tỷ một trăm lẻ bốn triệu một trăm ba mươi ngàn bốn trăm lẻ năm đồng chẵn).

Trong đó:

- Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Hội: 21.686.149.892 đồng (Phụ lục 1 dự toán chi tiết kèm theo);

- Văn phòng Đảng ủy xã Tân Hội: 6.309.642.036 đồng (Phụ lục 2 dự toán chi tiết kèm theo);

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tân Hội: 2.380.287.924 đồng (Phụ lục 3 dự toán chi tiết kèm theo);

- Phòng Kinh tế xã Tân Hội: 7.661.192.900 đồng (Phụ lục 4 dự toán chi tiết kèm theo);

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã Tân Hội: 20.245.432.949 đồng (Phụ lục 5 dự toán chi tiết kèm theo);

- Trung tâm Hành chính công xã Tân Hội: 821.424.704 đồng (Phụ lục 6 dự toán chi tiết kèm theo).

Dự toán chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ): Định mức phân bổ đã trừ tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đơn vị thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Căn cứ dự toán được giao, đơn vị phải xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công theo quy định.

2. Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định và phải tổ chức thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; chịu trách nhiệm toàn diện trước các cơ quan thanh kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về các thông tin, số liệu và việc sử dụng kinh phí.

3. Giao trách nhiệm Phòng Kinh tế: phối hợp với Phòng Nghiệp vụ 4 Kho bạc nhà nước Khu vực XX tiến hành nhập dự toán cho đơn vị sử dụng; quản lý và hướng dẫn đơn vị tổ chức thực hiện dự toán ngân sách theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng phòng Kinh tế và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận: *kinh*

- Như điều 3;
- Sở Tài chính (để B/c);
- KBNN khu vực XX (P/h);
- CT, các PCT.UBND xã;
- Ban KT-NS, HĐND xã;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PKT, pvan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Ngọc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 5
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Phòng Văn hóa - Xã hội

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1147957

Chương: 832 - Loại: 340 - Khoản: 341

*(Kèm theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội)*

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Biên chế	Định mức	Tổng chi
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NSNN			20.245.432.949
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 13)			1.277.370.859
-	Kinh phí chi lương và các khoản có tính chất lương	10	1.490.000	885.870.859
-	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên; chi nghiệp vụ chuyên môn; mua sắm dụng; sửa chữa thường xuyên; và một số công việc khác...	10	39.150.000	391.500.000
2	Quỹ tiền thưởng (Nguồn 18)			96.089.760
-	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73			96.089.760
3	Kinh phí cải cách tiền lương được sử dụng hết trong năm (Nguồn 14)			505.362.570
-	Kinh phí chi lương và các khoản có tính chất lương	10	850.000	505.362.570
4	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 12)			18.366.609.760
-	Chi nhiệm vụ phát sinh trong năm			443.700.000
-	Chi đảm bảo xã hội			15.173.709.760
+	<i>Chi đảm bảo xã hội</i>			<i>11.091.709.760</i>
+	<i>Chi bổ sung mục tiêu thực hiện chính sách ASXH</i>			<i>4.082.000.000</i>
-	Chi Sự nghiệp đào tạo			261.000.000
-	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			261.000.000
-	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình			174.000.000
-	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			261.000.000
-	Phân bổ kinh phí cho Quỹ thi đua khen thưởng			1.792.200.000

Tỉnh An Giang

Xã Tân Hội

Mã DVQHNS: Phòng Văn hóa - Xã hội 1147957

Biểu mẫu số 06

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của UBND xã Tân Hội)

Mã Chương	Loại	Khoản	Diễn giải	Dự toán
832	340	341	Kinh phí chi lương và các khoản có tính chất lương	885.870.859
832	340	341	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên; chi nghiệp vụ chuyên môn; mua sắm dụng; sửa chữa thường xuyên; và một số công việc khác...	391.500.000
			Cộng nguồn 13	1.277.370.859
832	340	341	Kinh phí chi lương và các khoản có tính chất lương	505.362.570
			Cộng nguồn 14 (Mã dự phòng 014)	505.362.570
832	340	341	Chi nhiệm vụ phát sinh trong năm	443.700.000
832	370	398	Chi đảm bảo xã hội	11.091.709.760
832	370	398	Chi bổ sung mục tiêu thực hiện chính sách ASXH	4.082.000.000
832	070	085	Chi Sự nghiệp đào tạo	261.000.000
832	160	161	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	261.000.000
832	190	191	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	174.000.000
832	220	221	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	261.000.000
832	340	341	Phân bổ kinh phí cho Quỹ thi đua khen thưởng (nhập cấp 0 khoản 428	1.792.200.000
			Cộng nguồn 12	18.366.609.760
832	340	341	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73	96.089.760
			Cộng nguồn 18	96.089.760
			Tổng Cộng	20.245.432.949

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 20.245.432.949 đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Hai mươi tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng chẵn

Kế toán

Phạm Văn

Chủ tịch



Nguyễn Minh Ngọc